

Số: /2024/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO LẦN 1

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ và việc sử dụng xe thô sơ, xe mô tô, xe gắn máy để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ và việc sử dụng xe thô sơ, xe mô tô, xe gắn máy để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến phạm vi hoạt động của xe thô sơ và việc sử dụng xe thô sơ, xe mô tô, xe gắn máy để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Xe thô sơ bao gồm:

a) Xe đạp là xe có ít nhất hai bánh và vận hành do sức người thông qua bàn đạp hoặc tay quay;

b) Xe đạp máy (gồm cả xe đạp điện, là xe đạp có trợ lực từ động cơ, nguồn động lực từ động cơ bị ngắt khi người lái xe dừng đạp hoặc khi xe đạt tới tốc độ 25 km/h);

c) Xe xích lô;

d) Xe lăn dùng cho người khuyết tật;

đ) Xe vật nuôi kéo;

e) Các loại xe tương tự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Xe mô tô gồm: Xe có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, trừ xe gắn máy; đối với xe ba bánh thì

khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg và các loại xe tương tự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Xe gắn máy là xe có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, có vận tốc thiết kế không lớn hơn 50 km/h; nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không lớn hơn 50 cm³; nếu động cơ dẫn động là động cơ điện thì công suất của động cơ không lớn hơn 04 kW; xe gắn máy không bao gồm xe đạp máy và các loại xe tương tự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn.

Điều 4. Quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ

1. Xe đạp, xe đạp máy: Được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường cao tốc và các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm.

2. Xe xích lô: Được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ trong phạm vi đô thị, khu dân cư, khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu vui chơi giải trí, trừ đường cao tốc trong phạm vi nêu trên và các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm.

3. Xe lăn dùng cho người khuyết tật: Được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ trong phạm vi đô thị, khu dân cư, khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu vui chơi giải trí, trừ đường cao tốc trong phạm vi nêu trên và các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm.

4. Xe vật nuôi kéo: Được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường cao tốc, quốc lộ 5, quốc lộ 18 và các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm.

Điều 5. Quy định về sử dụng xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa

1. Xe thô sơ khi kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định của Chính phủ, quy định của pháp luật khác có liên quan và chỉ được hoạt động trong phạm vi quy định tại Điều 4 Quyết định này.

2. Xe đạp máy, xe xích lô được phép kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa. Khi kinh doanh vận chuyển hành khách, người điều khiển xe đạp máy, xe xích lô phải có giấy phép lái xe hạng A1 trở lên và phải thông báo đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú về thông tin loại phương tiện và người điều khiển phương tiện (họ, tên và số định danh cá nhân).

3. Xe đạp, xe vật nuôi kéo: Chỉ kinh doanh vận chuyển hàng hóa.

4. Xe lăn dùng cho người khuyết tật: Không được kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách.

Điều 6. Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải thực hiện quy định tại Điều 35, Điều 47 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Người kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe mô tô, xe gắn máy phải thông báo đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú thông tin về người điều khiển phương tiện (họ, tên và số định danh cá nhân) và biển số xe. Khi kinh doanh vận chuyển hành khách, người điều khiển xe gắn máy phải có giấy phép lái xe hạng A1 trở lên.

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phân mềm hỗ trợ kết nối vận tải bằng xe mô tô, xe gắn máy hai bánh phải chấp hành quy định tại Điều 80 của Luật Đường bộ và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Xe mô tô, xe gắn máy kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường cao tốc.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế “Quy định quản lý sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hải Dương” ban hành kèm theo Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

2. Giao Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các văn bản pháp luật có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động của xe thô sơ và việc sử dụng xe thô sơ, xe mô tô, xe gắn máy để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tiếp nhận, lưu trữ thông tin nêu tại khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Quyết định này.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành: Giao thông vận tải, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử - Văn phòng Chính phủ;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Phòng: KT, NC, XD, TH, VHXH;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Châu

